

Bản án số: 144/2025/DS-ST
Ngày: 24-4-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Riêng
2. Bà Trần Ngọc Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nhiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 357/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và kiện đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần SAWAD - Tiền Có N

Địa chỉ: 128 Nguyễn D, phường Bến T, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Phương Thanh – Chức vụ: Nhân viên (có mặt)

Địa chỉ: 37 Nguyễn T, phường 4, thành phố Vị T, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Tuấn A, sinh năm: 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên Tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Sawad Tiền Có N trình bày: Vào ngày 28 tháng 01 năm 2023, ông Trần Tuấn A có ký hợp đồng cầm cố số NRM23110101NA18X với phía công ty, ông Tuấn A đã cầm cố tài sản là 01 xe máy BS 68G1-624.16 loại xe HONDA Wave, màu trắng đen bạc, số khung RLHJA3900HY772324, số máy JA39E0752515 với số tiền là 7.458.000 đồng, thời hạn cầm cố là 06 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng. Sau khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, phía Công ty Sawad Tiền Có N đã cho ông Tuấn A mượn lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại, có làm giấy mượn xe. Tuy nhiên kể

từ thời điểm cầm cố tài sản đến nay, ông Tuấn A đã trả cho phía Công ty được khoản tiền gốc là 3.640.229 đồng, khoản lãi phát sinh là 206.495 đồng, phí quản lý hồ sơ là 94.429 đồng, phí hao mòn tài sản là 648.846 đồng, tổng cộng các khoản ông Tuấn A đã trả cho phía Công ty là 4.590.000 đồng và sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ như thỏa thuận. Phía Công ty Sawad Tiền Có N đã liên hệ qua điện thoại cho ông Tuấn A nhiều lần nhưng không liên lạc được và đã đến địa phương nơi cư trú của ông Tuấn A để nhắc nhở nhưng ông Tuấn A đã không còn cư trú tại địa chỉ mà ông Anh đã cung cấp trong hợp đồng và không thông báo cho phía Công ty được biết hiện ông đi đâu làm gì. Xét thấy ông Tuấn A đã vi phạm hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Sawad Tiền Có N, nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông Tuấn A thanh toán số tiền gốc mà ông Tuấn A đã cầm cố tài sản còn nợ là 3.817.770 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 883.377 đồng (gồm lãi trong hạn và quá hạn) cộng với khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 56.698 đồng, phí theo dõi là 305.421 đồng. Ngoài ra, ông Tuấn A còn phải tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2025) theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho phía Công ty Sawad Tiền Có N.

Ngoài ra, phía Công ty Sawad Tiền Có N còn yêu cầu ông Tuấn A phải giao trả lại 01 xe máy BS 68G1-624.16 loại xe HONDA Wave, màu trắng đen bạc, số khung RLHJA3900HY772324, số máy JA39E0752515 đã cầm cố cho Công ty và Công ty đã cho ông Tuấn A mượn lại để làm phương tiện đi lại để phía Công ty xử lý tài sản khi ông Tuấn A không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa phía người đại diện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, phía Công ty chỉ xác định yêu cầu ông Tuấn A trả khoản tiền cầm cố tài sản đã nhận gốc còn lại là 3.817.770 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 883.377 đồng (gồm lãi trong hạn là 125.986 đồng và quá hạn là 757.351 đồng) cộng với khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 56.698 đồng. Ngoài ra, phía ông Tuấn A còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho phía Công ty Sawad Tiền Có N.

Bị đơn ông Trần Tuấn A không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đối với vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn trong vụ án được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của Công ty Sawad Tiền Có N rút lại yêu cầu buộc ông Trần Tuấn A phải trả lại cho Công ty Sawad Tiền Có N chiếc xe máy đã cầm cố BS 68G1-624.16 loại xe HONDA Wave, màu trắng đen bạc, số khung RLHJA3900HY772324, số máy JA39E0752515 mà phía Công ty đã cho ông Tuấn A mượn lại để sử dụng, nếu không thanh toán được nợ để Công ty phát mãi

thu hồi nợ và khoản phí hao mòn tài sản là 648.846 đồng, phí theo dõi 305.421 đồng. Việc rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc ông Tuấn A trả khoản tiền gốc đã nhận từ hợp đồng cầm cố tài sản còn nợ lại, lãi phát sinh và khoản phí quản lý hồ sơ từ hợp đồng cầm cố được các bên thỏa thuận ký kết, tổng cộng là 4.757.805 đồng tạm tính đến ngày xét xử và khoản lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã thỏa thuận ký kết sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết nợ; Phía ông Tuấn A không có ý kiến phản hồi, tuy nhiên hợp đồng đã được các bên ký kết hợp pháp nên các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ đã được thỏa thuận ký kết tại hợp đồng, thời điểm ký kết ông Tuấn A đã cung cấp đúng địa chỉ cư trú nhưng hiện tại rời khỏi địa phương mà không thông báo cho phía Công ty Sawad Tiền Có N biết địa chỉ cư trú mới nên có căn cứ cho rằng ông Tuấn A có tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Công ty Sawad Tiền Có N đối với ông Trần Tuấn A

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị buộc ông Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N khởi kiện ông Trần Tuấn A về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng đã ký kết nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và ông Trần Tuấn A có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Ông Trần Tuấn A với tư cách là bị đơn trong vụ kiện đã được Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Tuấn A đã vắng mặt tại nơi cư trú. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, ông Tuấn A đã cung cấp địa chỉ cụ thể cho phía Công ty Sawad Tiền Có N nhưng sau khi rời khỏi địa phương, ông Tuấn A không thông báo địa chỉ mới cho phía Công ty Sawad Tiền Có N biết để liên hệ nên đây được xác định là cố tình giấu địa chỉ. Do đó Công ty Sawad Tiền Có N đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và Tòa án tiến hành niêm yết công khai các thủ tục tố tụng trên theo quy định của pháp luật và tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt ông Tuấn A là có căn cứ phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Tuấn A về việc buộc ông Tuấn A phải trả lại cho Công ty chiếc xe máy đã cầm cố BS 68G1-624.16, loại

xe HONDA Wave, màu trắng đen bạc, số khung RLHJA3900HY772324, số máy JA39E0752515 đã cho ông Tuấn A mượn lại nếu không thanh toán được nợ để Công ty phát mãi thu hồi nợ và phí theo dõi 305.421 đồng. Việc rút lại yêu cầu này của Công ty Sawad Tiền Có N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc ông Tuấn A giao trả số tiền cầm cố tài sản đã nhận và nợ lãi phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản đã được các bên thỏa thuận ký kết số NRM231101014NA18X tạm tính đến ngày xét xử là 4.701.107 đồng gồm nợ gốc là 3.817.770 đồng, nợ lãi phát sinh trong hạn là 125.986 đồng, lãi quá hạn phát sinh là 757.351 đồng. Ngoài ra, ông Tuấn A còn phải trả cho Công ty Sawad Tiền Có N khoản tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng số NRM231101014NA18X đã được các bên thỏa thuận cho đến khi ông Tuấn A thanh toán xong các khoản nợ trên sau khi khấu trừ vào khoản tiền gốc và lãi mà ông Tuấn A đã trả cho Công ty Sawad Tiền Có N. Mặt khác, phía Công ty Sawad Tiền Có N còn yêu cầu ông Tuấn A phải trả khoản phí quản lý hồ sơ đã được thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết với số tiền là 56.698 đồng. Để chứng minh cho các yêu cầu khởi kiện trên, phía Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N đã cung cấp các tài liệu chứng cứ: Hợp đồng cầm cố số NRM231101014NA18X ký kết ngày 28/11/2023, phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm, phiếu đăng ký cầm cố xe máy, bản kê chi tiết tính lãi phải trả và đã trả. Tính đến ngày hết hạn của hợp đồng, ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ đối với Công ty Sawad Tiền Có N. Phía Công ty Sawad Tiền Có N cho rằng cũng đã thông báo nhắc nhở cho ông Tuấn A biết qua số điện thoại đã cung cấp và yêu cầu ông Tuấn A thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền cầm cố tài sản theo thỏa thuận nhưng phía Công ty sau đó không liên lạc được và đã đến địa chỉ do ông Tuấn A cung cấp để làm việc nhưng ông không có mặt tại nơi cư trú, đã rời khỏi địa phương nơi cư trú mà không thông báo cho Công ty biết về nơi cư trú mới nên đối với việc vắng mặt trên của ông Tuấn A là cố tình giấu địa chỉ. Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến ngày mở phiên Tòa xét xử, ông Tuấn A không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Tuấn A không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N cũng như chứng cứ do công ty cung cấp nên xem như ông Tuấn A đã mặc nhiên thừa nhận.

[2.3] Xét thấy hợp đồng cầm cố tài sản được ký kết ngày 28/11/2023 giữa các bên trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật và trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định, việc thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật nên hợp đồng cầm cố tài sản trên được xem là hợp pháp. Theo các tài liệu chứng cứ phía Công ty Sawad Tiền Có N cung cấp thể hiện khoản tiền gốc mà ông Tuấn A đã nhận là 7.458.000 đồng. Tại hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kết thể hiện

phương thức thanh toán lãi phát sinh nhưng phía ông Tuấn A đã vi phạm nghĩa vụ. Do ông Tuấn A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phía Công ty Sawad Tiền Có N yêu cầu ông Tuấn A trả số nợ gốc còn nợ là 3.817.770 đồng, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 883.337 đồng và khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 56.698 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11; Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện trên của Công ty Sawad Tiền Có N.

Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tuấn A còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố tài sản số NRM231101014NA18X ký kết ngày 28/11/2023.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của Công ty Sawad Tiền Có N được chấp nhận nên buộc ông Trần Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008882 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 11, Điều 309, Điều 310, Điều 311, Điều 312, Điều 313, Điều 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N đối với ông Trần Tuấn A.

Buộc ông Trần Tuấn A giao trả khoản tiền cầm cố tài sản đã nhận gồm vốn gốc, lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử (ngày 24/4/2025) và khoản phí quản lý hồ sơ là 4.757.805 đồng (bốn triệu, bảy trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm lẻ năm đồng); Trong đó: vốn gốc là 3.817.770 đồng (ba triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng), nợ lãi phát sinh là 883.337 đồng (tám trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi bảy đồng) và khoản tiền phí quản lý hồ sơ là 56.698 đồng (năm mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (24/4/2025), ông Trần Tuấn A còn phải tiếp tục trả khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã được các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số NRM231101014NA18X ký kết ngày 28 tháng 11 năm 2023.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Sawad Tiền Có N về việc buộc ông Trần Tuấn A giao lại chiếc xe máy đã cầm cố và khoản phí hao mòn tài sản là 648.846 đồng (sáu trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm bốn mươi sáu đồng), phí theo dõi 305.421 đồng (ba trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng) do Công ty Sawad Tiền Có N rút lại yêu cầu khởi kiện này.

3. Về án phí:

Buộc ông Trần Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho Công ty cổ phần Sawad Tiền Có N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008882 ngày 25/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày; Đương sự có mặt được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/4/2025); Đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Cẩm Hương